TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2021/DS-ST
Ngày: 01-6-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Việt Hưng.
2. Bà Trần Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thái Minh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa: Bà Lê Hoàng Dung - Kiểm sát viên.

Từ ngày 31 tháng 5 đến ngày 01 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số 369/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 06/2021/QĐST- DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 136/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. <u>Nguyên đơn</u>: **Ngân hàng TMCP X**

Trụ sở: Tầng 8, văn phòng số xxxxx Tòa nhà Vincom Center, xxx Lê Thánh T, phường B, Quận xx Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân K (Văn bản ủy quyền ngày 15-01-2021). (có mặt).

2. <u>Bị đơn</u>: Ông **Nguyễn Thanh V**, sinh năm xxxx (vắng mặt)

Địa chỉ: Số xxxx đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 06 -8-2020 và trong quá trình xét xử đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 15-3-2016, ông Nguyễn Thanh V ký Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế với Ngân hàng TMCP X (viết tắt Ngân hàng) theo hình thức miễn bảo đảm tín dụng (tín chấp), hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng. Căn cứ vào Giấy đề nghị, ngày 15-3-2016 Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng quốc tế Master Card cho ông Nguyễn Thanh V, số thẻ 5428538212721791 (giấy xác nhận đã nhận thẻ ngày 26-3-2016).

Qúa trình sử dụng, ông Nguyễn Thanh V đã dùng thẻ để rút tiền mặt, thanh toán tiền mua hàng hóa và các khoản phí phát sinh (tạm tính đến ngày 05-8-2020) với số tiền cụ thể: Nợ gốc: 36.751.806 đồng, lãi: 195.979.702 đồng; tổng số tiền nợ 232.731.508 đồng.

Theo Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế nêu trên, hàng tháng Ngân hàng gửi bản diễn giải giao dịch trong tháng cho chủ thẻ, trong đó liệt kê chi tiết các giao dịch phát sinh trong tháng, các khoản phí, số dư nợ và yêu cầu thanh toán đúng số tiền và thời hạn chỉ định. Qua nhiều lần làm việc trực tiếp với ông V, Ngân hàng đã yêu cầu ông V thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng đến nay ông V vẫn không thanh toán.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 232.731.508 đồng (tạm tính đến ngày 05-8-2020) và lãi, phí được tiếp tục tính kể từ ngày 05-8-2020 cho đến khi ông V thanh toán xong nợ theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế.

* Bị đơn ông Nguyễn Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến tòa nên không thể ghi nhận ý kiến của ông V được.

Tại phiên tòa,

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Trong quá trình sử dụng thẻ quốc tế phía bị đơn đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tổng cộng 39.353.396 đồng. Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả nợ theo Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế tạm tính đến ngày 20-5-2021 với tổng số tiền là 113.210.968 đồng (trong đó nợ gốc 36.751.806 đồng, nợ lãi quá hạn 61.093.886 đồng,

nợ lãi chậm trả 15.365.276 đồng) và lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 21-5-2021 cho đến khi ông V thanh toán xong nợ. Đối với tiền lãi trong hạn 40.729.258 đồng, Ngân hàng không yêu cầu bị đơn trả.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 26 về thẩm quyền giải quyết vụ án, Điều 68 về tư cách tham gia tố tụng; từ Điều 93 đến Điều 97, Điều 195, Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự. Vụ án đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, do đó căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

- Về giải quyết vụ án: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký ngày 15-03-2016 thể hiện ông Nguyễn Thanh V là người đã ký hợp đồng với Ngân hàng, theo hợp đồng Ngân hàng sẽ phát hành thẻ Quốc tế cho ông V với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ ông V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông V vào ngày 20-5-2021 và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Việc Ngân hàng yêu cầu ông V phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 20-5-2021 ông V còn nợ số tiền gốc 36.751.806 đồng do bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số nợ gốc là có căn cứ xem xét. Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán lãi quá hạn tạm tính 20-5-2021 số tiền 61.093.886 đồng, căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 cho phép tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật của thẻ tính dụng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông V phải trả lãi suất quá hạn theo quy định của hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ vay là có cơ sở. Xét yêu cầu buộc bị đơn phải trả lãi chậm trả số tiền 15.365.276 đồng, nhận thấy nguyên đơn cung cấp

tại phiên tòa chứng cứ yêu cầu số tiền này là công văn 1198 ngày 03-3-2021 của Giám đốc ngân hàng cấp trên của ngân hàng hướng dẫn cách tính lãi chậm trả với mức 10 % trên dư nợ thực tế chậm trả. Nhận thấy công văn này ban hành sau thời điểm các bên ký kết hợp đồng tín dụng, hơn nữa hợp đồng tín dụng không thỏa thuận mức lãi suất chậm trả này nên yêu cầu này của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng trong các buổi hòa giải và tại phiên tòa bị đơn đều vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Thanh V có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm tính 20-5-2021 số tiền 97.845.692 đồng (Trong đó nợ gốc 36.751. 806 đồng, lãi quá hạn 61.093.886 đồng) và ông V tiếp tục trả lãi theo lãi suất quá hạn của hợp đồng từ ngày 21-5-2021 cho đến trả dứt nợ. Không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn phải trả lãi chậm trả số tiền 15.365.276 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Nguyễn Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông V là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 06-8-2020 và Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 15-3-2016 cho thấy giữa nguyên đơn với bị đơn có giao dịch vay mượn, do phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn, lãi cho nguyên đơn nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền theo hợp đồng, do đó xác định đây là loại kiện "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thể hiện ông V có đăng ký thường trú tại xxxx đường

Trần Vĩnh K, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ nhưng đến tháng 7/2017 bán nhà bỏ địa phương đi nơi khác, hiện tại địa phương không còn quản lý. Nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của ông V trong đơn khởi kiện theo địa chỉ tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế, ông V thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn biết địa chỉ nơi cư trú mới cũng được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[3.1] Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Căn cứ vào Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 15-3-2016 cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn tiền, bị đơn ký Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế và được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng quốc tế Master Card, số thẻ 5428538212721791 cùng ngày, hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng, thời hạn sử dụng thẻ là 01 năm, bị đơn đã nhận thẻ vào ngày 26-3-2016. Trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch và thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi tổng cộng là 39.353.396 đồng, dư nợ hiện tại tính đến ngày 20-5-2021 là 36.751.806 đồng. Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án cũng đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tòa theo giấy triệu tập để thể hiện ý kiến của mình, không cung cấp các chứng cứ có liên quan để bảo vệ quyền lợi cho mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết. Do bị đơn không trả tiền gốc và lãi theo đúng Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc số tiền 36.751.806 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi quá hạn:

Theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 15-3-2016 giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận việc vay vốn, thỏa thuận các điều khoản về các loại phí, phí tài chính (lãi vay) được quy định tại Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế một cách tự nguyện, việc thỏa thuận được thực hiện theo đúng

quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế trên đã được thực hiện và có hiệu lực thi hành. Tại Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế có quy định nội dung: "*Biểu phí dịch vụ sử dụng thẻ được quy định từng thời điểm"*, và theo khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Do đó, nguyên đơn căn cứ theo Quyết định số 7414/2015/EIB/QĐ-TGĐ ngày 30-12-2015 của Tổng giám đốc Ngân hàng về việc Ban hành Quy định cấp hạn mức tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và các Thông báo điều chỉnh biểu phí phát hành và sử dụng thẻ áp dụng cho tất cả các đối tượng khách hàng của Tổng giám đốc Ngân hàng số 637/2016/EIB/TB-TTT ngày 13-4-2016; số 9071/2018/EIB/TB-TTT ngày 04-7-2018; số 294/2019/EIB/TB-TTT ngày 07-01-2019 để áp dụng mức lãi suất tính lãi quá hạn cho bị đơn là không trái quy định của pháp luật.

Bị đơn đã không thanh toán số tiền gốc sau khi hết thời hạn vay cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ vào Bảng tính dư nợ gốc, lãi, phí phát sinh của nguyên đơn tính từ ngày 17-3-2017 đến ngày 20-5-2021, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi quá hạn 61.093.886 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu trả tiền lãi chậm trả:

Nguyên đơn căn cứ vào Thông báo số 1198/2021/EIB-TGĐ ngày 03-3-2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng để yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm trên dư nợ gốc tính từ ngày 17-3-2017 đến ngày 20-5-2021. Hội đồng xét xử xét thấy, Thông báo số 1198/2021/EIB-TGĐ ngày 03-3-2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng ban hành sau thời điểm bị đơn ký Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế và tại phiên tòa phía đại diện nguyên đơn cũng xác định bị đơn chưa được tiếp cận Thông báo số 1198/2021/EIB-TGĐ ngày 03-3-2021. Hơn nữa, Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không quy định rõ về việc trả lãi chậm trả nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả 15.365.276 đồng Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[3.4] Đối với yêu cầu trả tiền lãi trong hạn:

Tại phiên tòa, đại điện nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi trong hạn 40.729.258 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 36.751.806 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 20-5-2021 là 61.093.886 đồng, tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 97.845.692 đồng.

[4] Xét trình bày của Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền 15.365.276 đồng không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

+ Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

+ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X đối với ông Nguyễn Thanh V về việc trả tiền gốc và tiền lãi quá hạn.

Buộc ông Nguyễn Thanh V phải trả cho Ngân hàng TMCP X số nợ gốc, lãi tính đến ngày 20-5-2021 là 97.845.692 đồng (Trong đó nợ gốc: 36.751.806 đồng, nợ lãi quá hạn 61.093.886 đồng).

Kể từ ngày 21-5-2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế và Bản

thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X đối với ông Nguyễn Thanh V về việc trả tiền lãi chậm trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Thanh V phải chịu án phí là 4.892.284 đồng (Bốn triệu tám trăm chín mươi hai nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP X phải chịu án phí là 768.263 đồng (Bảy trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi ba đồng), nguyên đơn được khấu trừ vào 5.818.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003090 ngày 24-9-2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, nguyên đơn còn được nhận lại 5.050.237 đồng (Năm triệu không trăm năm chục nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng).

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND TP. Cần Thơ;*
- *VKSND Q.Ninh Kiều;*
- *Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Kim Phượng